

Số: /BC-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2023

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính 9 tháng đầu năm, nhiệm vụ trọng tâm 3 tháng cuối năm 2023

I. CÔNG TÁC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Về tổ chức chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

Trong 9 tháng đầu năm 2023, thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện quyết liệt, đồng bộ các nhiệm vụ cải cách hành chính (CCHC). Trọng tâm là:

- Ban hành các kế hoạch và văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC: Kế hoạch CCHC¹, Kế hoạch Kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC)²; Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2023 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa³; Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh năm 2023⁴; Kế hoạch rà soát văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2023⁵; Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh⁶; Kế hoạch hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, kỳ 2019 - 2023⁷; Ban hành Bộ tiêu chí và phương pháp xác định Chỉ số CCHC của các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa⁸ ...

- Ban hành các văn bản triển khai thực hiện các thông báo, kết luận của Thủ tướng Chính phủ, Trưởng ban Chỉ đạo CCHC của Chính phủ và chỉ đạo về tăng cường trách nhiệm trong công tác tham mưu, giải quyết công việc của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh: Chỉ thị về tăng cường trách nhiệm trong công tác tham mưu, giải quyết công việc của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa⁹; văn bản chỉ đạo về việc nâng cao chất lượng tham mưu, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh; triển khai thực hiện Nghị quyết của Chính phủ tại các phiên họp thường kỳ, các Kết luận của Ban Chỉ đạo CCHC của Chính phủ và các nhiệm vụ, giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, tiếp tục đẩy mạnh cải cách TTHC, siết chặt kỷ luật, kỷ cương¹⁰.

¹ Quyết định 4750/QĐ-UBND ngày 30/12/2022.

² Quyết định 4657 /QĐ-UBND ngày 26/12/2022.

³ Kế hoạch 281/KH-UBND ngày 10/12/2022.

⁴ Kế hoạch 46/KH-UBND ngày 02/3/2023.

⁵ Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 16/02/2023.

⁶ Kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 30/01/2023.

⁷ Kế hoạch 17/KH-UBND ngày 02/02/2023.

⁸ Quyết định 3049/QĐ-UBND ngày 28/8.

⁹ Chỉ thị số 10/CT-UBND ngày 29/5/2023.

¹⁰ Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 15/7/2023 của Chính phủ.

- Xây dựng, hoàn chỉnh Báo cáo sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025 về lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh theo đúng yêu cầu của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Kế hoạch số 116-KH/TU ngày 04/3/2023; chỉ đạo tổ chức Hội nghị về các nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp cụ thể nhằm duy trì, cải thiện và nâng cao thứ hạng các chỉ số: CCHC; hài lòng của người dân, tổ chức; năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; hiệu quả quản trị và hành chính công; Hội nghị trực tuyến bàn giải pháp đẩy nhanh tiến độ phân bổ, giao kế hoạch vốn các Chương trình MTQG năm 2023 và chuẩn bị đầu tư các dự án khởi công mới.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước, Quy định phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức thuộc UBND tỉnh Thanh Hóa quản lý¹¹; Kế hoạch thực hiện Kết luận số 50-KL/TW ngày 28/02/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về "Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả"¹².

- Triển khai phân bổ, hoàn thiện thủ tục đầu tư dự án dự kiến bố trí kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa¹³; đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công những tháng cuối năm 2023¹⁴. Thực hiện hiệu quả các nội dung hỗ trợ doanh nghiệp quy định tại Nghị quyết số 214/2022/NQ-HĐND ngày 13/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022 - 2026¹⁵.

- Tập trung chỉ đạo đẩy mạnh cải cách TTHC, thực hiện TTHC trên môi trường điện tử; đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC; thực hiện nghiêm các quy định liên quan đến bỏ sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy¹⁶; đẩy mạnh cải cách TTHC trong lĩnh vực cấp phiếu lý lịch tư pháp¹⁷; Ban hành Danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần của các cơ quan Nhà nước tỉnh Thanh Hóa năm 2023¹⁸. Tăng cường cải cách việc thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công¹⁹; mở rộng triển khai phần mềm tiếp nhận, xử lý và trả lời phản ánh kiến nghị của tổ chức, cá nhân.

¹¹ Quyết định số 08/2022/QĐ-UBND ngày 22/02/2022.

¹² Kế hoạch 161-KH/TU ngày 31/8/2023.

¹³ Chỉ thị số 14/CT-UBND ngày 8/11/2022.

¹⁴ Công văn số 12790/UBND-THKH 30/08/2023.

¹⁵ Kế hoạch số 23/KH-UBND ngày 10/2/2023.

¹⁶ Công văn số 2739/UBND-KSTTHCNC ngày 06/3/2023.

¹⁷ Công văn số 10445/UBND-KSTTHCNC ngày 21/7/2023.

¹⁸ Quyết định số 2971/QĐ-UBND ngày 22/8/2023.

¹⁹ Công văn số 9762/UBND-KSTTHCNC ngày 10/7/2023.

- Đẩy mạnh đảm bảo an toàn thông tin mạng và triển khai các hoạt động ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa²⁰; tăng cường công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin cho thiết bị Camera giám sát²¹; đẩy mạnh kết nối, chia sẻ dữ liệu, hình thành các dữ liệu dùng chung²², kết nối, tích hợp, khai thác tài liệu điện tử (kho dữ liệu cá nhân) trên Cổng Dịch vụ công quốc gia²³, cung cấp dịch vụ công trực tuyến giữa Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công tỉnh với Hệ thống phần mềm một cửa theo hướng lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm trên cơ sở tái cấu trúc các quy trình thủ tục, tạo thuận lợi cho người dùng, tăng cường chuyển đổi hình thức thực hiện từ trực tiếp sang trực tuyến. Triển khai thực hiện “Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử, phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa²⁴; tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Đề án 06 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa²⁵.

- Phối hợp với Vụ Hợp tác quốc tế - Bộ Nội vụ và các đơn vị liên quan chuẩn bị các điều kiện cần thiết đón tiếp và làm việc với Đoàn lãnh đạo cấp cao nước CHDCND Lào đến thăm và làm việc với tỉnh Thanh Hóa về công tác CCHC của tỉnh.

Các cấp, các ngành căn cứ chỉ đạo của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh chủ động ban hành kế hoạch triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC tại các cơ quan, đơn vị, địa phương. Theo đó, 100% các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, UBND cấp huyện đã ban hành Kế hoạch CCHC năm 2023, Kế hoạch kiểm tra để triển khai thực hiện tại đơn vị, địa phương.

2. Về kiểm tra công tác CCHC, thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính

Thực hiện Kế hoạch CCHC năm 2023²⁶, Sở Nội vụ đã ban hành Kế hoạch kiểm tra CCHC và kiểm tra việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2023²⁷. Theo Kế hoạch, năm 2023, tiến hành kiểm tra 18 đơn vị, trong đó có 06 đơn vị cấp sở; 10 đơn vị cấp huyện và 02 cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh. Trong 09 tháng đầu năm, Sở Nội vụ phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh (Phòng Kiểm soát TTHCNC) kiểm tra 08 đơn vị²⁸.

²⁰ Chi thị số 13/CT-UBND ngày 04/11/2022.

²¹ Chi thị số 02/CT-UBND-CNTT ngày 18/01/2023.

²² Quyết định số 630/QĐ-UBND ngày 27/2/2023.

²³ Công văn 10941/UBND-KSTTHCNC ngày 31/7/2023.

²⁴ Kế hoạch 24/KH-UBND ngày 13/2/2023.

²⁵ Thông báo số 132/TB-UBND ngày 04/8/2023; Công văn số 7673/UBND-KSTTHCNC ngày 02/6/2023; Công văn số 12501/UBND-KSTTHCNC ngày 25/08/2023.

²⁶ Quyết định số 4750/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2023.

²⁷ Kế hoạch số 16/KH-TCTKTCV ngày 05/01/2023 và Kế hoạch số 65/KH-SNV ngày 10/02/2023.

²⁸ 06 đơn vị cấp huyện: Như Xuân (Cát Vân, Cát Tân), Lang Chánh (Trí Nang, Tân Phúc), Ngọc Lặc (Phúc Thịnh, Thúy Sơn), Quan Hóa (Phú Nghiêm và Thị trấn Hồi Xuân), Bá Thước (Điền Lưu, Điền Trung, Kỳ Tân), Nông Cống (Thăng Long, Vạn Hòa); 02 sở: Sở Tư pháp và Sở Giao thông vận tải.

Kết quả kiểm tra cho thấy: Các đơn vị đã ban hành đầy đủ các văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện công tác CCHC; thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật về giải quyết TTHC cho tổ chức, người dân và doanh nghiệp; duy trì tỷ lệ giải quyết đúng hạn cao. Tuy nhiên, bên cạnh đó, một số đơn vị còn tình trạng giải quyết hồ sơ quá hạn (các huyện: Lang Chánh, Như Xuân, Quan Hóa); còn trường hợp yêu cầu công dân nộp giấy xác nhận cư trú; chưa nhập hồ sơ đầy đủ, kịp thời trên hệ thống phần mềm một cửa điện tử (các xã của huyện Như Xuân, Lang Chánh và Quan Hóa)...

3. Về công tác tuyên truyền CCHC

Công tác thông tin, tuyên truyền CCHC được các cấp, các ngành quan tâm triển khai thực hiện; nhiều đơn vị, địa phương thực hiện lồng ghép tuyên truyền CCHC gắn với tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật. Nội dung tuyên truyền tập trung vào những vấn đề có tính thời sự như giải quyết hồ sơ trực tuyến; thanh toán trực tuyến; hóa đơn điện tử. Hoạt động tư vấn, hỗ trợ cho tổ chức, công dân giải quyết TTHC được đẩy mạnh với nhiều cách thức như hỗ trợ trực tiếp tại nơi công dân làm TTHC, qua số tổng đài, qua mạng xã hội zalo. Một số đơn vị ban hành và thực hiện tốt kế hoạch tuyên truyền CCHC (Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Giao thông vận tải, các huyện Ngọc Lặc, Cẩm Thủy, Hà Trung...)

Báo Thanh Hóa, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Đài Truyền thanh cấp huyện thường xuyên viết bài và đưa tin, bài về CCHC; Trang thông tin điện tử CCHC của tỉnh tại địa chỉ <https://cchc.thanhhoa.gov.vn> đăng tải 68 tin bài; các cơ quan, đơn vị, địa phương thường xuyên đăng tải tin, bài về CCHC trên trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị.

4. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ theo Kế hoạch CCHC năm 2023

- Số nhiệm vụ được giao: 26 nhiệm vụ;
- Số nhiệm vụ đã hoàn thành: 26 nhiệm vụ;
- Số nhiệm vụ chưa hoàn thành: 0 nhiệm vụ;

5. Mô hình, sáng kiến, giải pháp mới trong CCHC

Ngày 19/4/2023 UBND tỉnh đã ban hành văn bản triển khai Mô hình điểm “Khám chữa bệnh sử dụng thẻ CCCD gắn chip điện tử và ứng dụng VNeID” tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa²⁹ tạo điều kiện thuận lợi cho công dân trong quá trình khám, chữa bệnh, ứng dụng các tiện ích của thẻ CCCD gắn chip vào các giao dịch hành chính.

Tiếp tục đẩy mạnh CCHC, nâng cao chất lượng cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC, trong 9 tháng đầu năm 2023, UBND huyện

²⁹ Công văn số 5387/UBND-KSTTHCNC.

Quan Hóa triển khai nhân rộng mô hình “Điểm dịch vụ công trực tuyến” thành lập 15 điểm tại 15 xã, thị trấn trên địa bàn để hỗ trợ người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến; huyện Thọ Xuân đã áp dụng sáng kiến “Ngày thứ Bảy tình nguyện giúp dân giải quyết TTHC”³⁰; huyện Đông Sơn áp dụng mô hình “ Tổng đài hỗ trợ hướng dẫn thủ tục hành chính”³¹ nhằm rút ngắn thời gian giải quyết TTHC, tạo điều kiện thuận lợi để cá nhân, tổ chức và góp phần xây dựng hình ảnh thân thiện giữa cán bộ, cơ quan nhà nước với tổ chức, cá nhân.

Chuyển đổi số trong CCHC cũng được đẩy mạnh, nhiều sáng kiến, cách làm hay về chuyển đổi số đã được triển khai, áp dụng: Ứng dụng chuyển đổi số trong công tác quản lý, điều hành an ninh trật tự tại xã Cẩm Tú, huyện Cẩm Thủy; xây dựng mô hình thôn thông minh tại các thôn trên địa bàn xã Định Long (huyện Yên Định), xã Hoàng Thái (huyện Hoàng Hóa); mô hình đưa sản phẩm nông sản lên sàn gắn truy xuất nguồn gốc và thanh toán không dùng tiền mặt tại huyện Đông Sơn; xây dựng CSDL và hệ thống quản lý trực tuyến về tuyển sinh lớp 10 THPT tỉnh Thanh Hóa; thực hiện chuyển đổi số lĩnh vực lao động, người có công và xã hội trên địa bàn tỉnh; chuyển đổi số giảm khoảng cách từ người dân và chính quyền thị trấn Sơn Lư, huyện Quan Sơn; câu chuyện về quản lý hồ sơ giao khoán bằng hệ thống bản đồ số trên phần mềm Mapinfor tại Ban quản lý rừng phòng hộ Thường Xuân... Mô hình “3 Không”³²: Không phải khai báo thông tin nhiều lần trong thực hiện dịch vụ công; Không dùng tiền mặt trong một số các dịch vụ thiết yếu; Không cần tiếp xúc trực tiếp với chính quyền được áp dụng tại Phường Điện Biên (Thành phố Thanh Hóa), xã Tây Hồ (huyện Thọ Xuân), xã Thiệu Trung (huyện Thiệu Hóa), xã Nga Liên (Huyện Nga Sơn). Sau hai tháng triển khai thí điểm mô hình “ba không” trong chuyển đổi số, với những kết quả khả quan ban đầu, mô hình này sẽ tiếp tục được nhân rộng trên toàn tỉnh trong thời gian tới.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC

1. Cải cách thể chế

- Trong 9 tháng đầu năm, UBND tỉnh ban hành 50 văn bản QPPL tập trung vào các lĩnh vực: đất đai; giao thông; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị.... Sau khi ban hành, 100% văn bản đã được cập nhật vào cơ sở dữ liệu văn bản QPPL Quốc gia.

- Sở Tư pháp đã tham gia 38 ý kiến dự thảo văn bản của Trung ương (dự thảo Luật Đất đai; Nghị định của Chính phủ về quản lý, phát triển Cụm công nghiệp; dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; dự thảo Thông tư quy định

³⁰ Tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Thọ Xuân.

³¹ Xã Đông Tiến.

³² Kế hoạch số 1327/KH-STTTT ngày 31/5/2023 về việc triển khai thực hiện thí điểm mô hình “3 không” trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Mô hình này được triển khai từ ngày 01/6/2023 đến 30/7/2023.

tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN thuộc lĩnh vực lưu trữ của Bộ Nội ...) và 1.012 dự thảo văn bản của HĐND, UBND tỉnh, các sở, ngành cấp tỉnh.

- Công tác kiểm tra, rà soát văn bản QPPL theo thẩm quyền được chú trọng thực hiện. Trong 9 tháng đầu năm, thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Tư pháp phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh tiến hành tự kiểm tra văn bản: 2.149 văn bản do UBND, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành (31 văn bản QPPL, 2.118 văn bản khác); phối hợp với các cơ quan, đơn vị rà soát 156 văn bản QPPL (số văn bản QPPL cần phải xử lý sau rà soát là 51 văn bản hết hiệu lực toàn phần, hết hiệu lực một phần).

- Công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật được triển khai thực hiện nghiêm túc. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố đều xây dựng Kế hoạch rà soát các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực theo dõi và xây dựng báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo quy định.

2. Cải cách thủ tục hành chính

2.1. Công tác kiểm soát thủ tục hành chính

- UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo các ngành, các cấp rà soát, kiến nghị đơn giản tối đa về hồ sơ, trình tự, thủ tục, thời gian giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền quản lý; niêm yết công khai và thực hiện giải quyết TTHC cho tổ chức, người dân; cập nhật vào bộ cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC và đăng tải công khai trên Công thông tin điện tử của tỉnh; thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả TTHC trực tuyến trên Cổng dịch vụ công của tỉnh (<https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn>); Cổng dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>); qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 59 quyết định công bố danh mục TTHC (với 71 thủ tục mới ban hành; 376 thủ tục sửa đổi, bổ sung; 82 thủ tục bãi bỏ). Tích hợp và nhập dữ liệu 447 TTHC, không công khai 82 TTHC vào cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC; không có TTHC ban hành trái thẩm quyền.

- Tiếp nhận 301 phản ánh, kiến nghị của tổ chức, công dân về thủ tục hành chính, trong đó, 293 phản ánh kiến nghị đã được xử lý, 08 phản ánh kiến nghị đang trong thời gian xử lý theo quy định.

2.2. Tình hình thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông

- Các sở, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện tiếp tục triển khai thực hiện việc đánh giá chất lượng giải quyết TTHC; thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC. 100% TTHC thuộc thẩm quyền của các sở, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã³³ và 100% TTHC, nhóm TTHC ngành dọc thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa các cấp; 556 TTHC thực hiện giải quyết theo

³³ Tính đến 11/9/2023, toàn tỉnh có 2.127 TTHC, trong đó: cấp tỉnh: 1.553; cấp huyện 327; cấp xã 247.

hình thức liên thông cùng cấp; 214 TTHC đang thực hiện giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền; 464 TTHC thực hiện theo cơ chế “4 tại chỗ”.

- Duy trì và thực hiện 872 dịch vụ công toàn trình và 890 dịch vụ công một phần; tất cả dịch vụ công đã được nhập đường link trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, được công khai và kết nối với Cổng dịch vụ công của tỉnh.

- Đẩy mạnh gắn kết việc số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC với quá trình tiếp nhận, xử lý TTHC tại Bộ phận một cửa tạo cơ sở hình 5 thành dữ liệu sống, sạch, đủ và chính xác.

- Mở rộng việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC theo hướng không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông (các xã, thị trấn thuộc huyện Đông Sơn thực hiện tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục cấp bản sao trích lục hộ tịch).

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh đã phối hợp, hỗ trợ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa hướng dẫn, hỗ trợ công dân tạo tài khoản định danh điện tử trên Cổng dịch vụ công Quốc gia, mở tài khoản ngân hàng để giao dịch thanh toán trực tuyến; phối hợp với Chi nhánh Viettel Thanh Hóa và Trung tâm kinh doanh Vinaphone, VNPT Thanh Hóa cử nhân viên đến để hỗ trợ trực tiếp cho công dân đăng ký sim chính chủ đối với công dân chưa sử dụng sim chính chủ, nhằm thực hiện nộp hồ sơ trực tuyến, tạo tài khoản định danh điện tử trên Cổng dịch vụ công Quốc gia.

- Việc thu phí, lệ phí trên Cổng dịch vụ quốc gia đang được các cơ quan, đơn vị triển khai sâu rộng, tạo lập tài khoản thanh toán của Bộ phận một cửa, tăng cường tuyên truyền hỗ trợ người dân thực hiện thanh toán trực tuyến. Có một số đơn vị triển khai mạnh mẽ như: Sở Tư pháp, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Thanh Hóa, huyện Như Thanh, huyện Yên Định. Các Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai triển khai tốt dịch vụ thanh toán nghĩa vụ tài chính trên Cổng dịch vụ công quốc gia gồm: Như Thanh, Nga Sơn, Yên Định, Bá Thước, Thành phố Thanh Hóa... Bên cạnh đó, còn một số Chi nhánh không có giao dịch thanh toán thuế điện tử là: Đông Sơn, Bỉm Sơn, Lang Chánh, Thường Xuân.

- Tính đến ngày 12/9/2023, toàn tỉnh có tổng số hồ sơ tiếp nhận trên Cổng dịch vụ công và bộ phận một cửa các cấp là: 977.300 hồ sơ. Trong đó: Tiếp nhận trực tuyến: 273.937 hồ sơ; trực tiếp, BCCI (bưu chính): 333.158 hồ sơ; số hồ sơ từ kỳ trước chuyển qua: 370.205 hồ sơ. Đã giải quyết 942.960 hồ sơ, giải quyết đúng hạn 925.826 hồ sơ (đạt tỷ lệ 98,18%).³⁴

³⁴ Số liệu tổng hợp trên dichvucongthanhhoa.gov.vn.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính

- Triển khai thực hiện sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ, giai đoạn 2022 - 2026³⁵; Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 10/7/2023 của Chính phủ về thực hiện Kết luận số 50-KL/TW ngày 28/02/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 18- NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”³⁶. Theo đó đã thẩm định báo cáo UBND tỉnh phê duyệt Đề án thành lập Ban Quản lý cảng cá Thanh Hóa thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; thẩm định Đề án sắp xếp, tổ chức lại các tổ chức bên trong của các đơn vị hành chính thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT. Trong 9 tháng đầu năm, UBND tỉnh đã ban hành Quy định khung số lượng cấp phó của các sở, cơ quan ngang sở thuộc UBND tỉnh Thanh Hoá; quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn cho các đơn vị: Ban Tôn giáo, Ban Thi đua - Khen thưởng; Chi cục Văn thư, Lưu trữ (Sở Nội vụ); Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Xây dựng; Chi cục Bảo vệ môi trường (Sở Tài nguyên và Môi trường); bổ sung chức năng, nhiệm vụ cho Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch (Thành phố Sầm Sơn); hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thuộc UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; sắp xếp, tổ chức lại các tổ chức bên trong của các đơn vị hành chính thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn...

Phê duyệt vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức và số lượng người làm việc của các cơ quan đơn vị: Trường Cao đẳng nghề Nghi Sơn Thanh Hóa, giai đoạn 2023-2025; Trường Đại học Hồng Đức, giai đoạn 2023-2025; Ban Quản lý dự án đầu tư công trình giao thông Thanh Hóa; Ban Quản lý bảo trì công trình giao thông và Điều hành vận tải hành khách công cộng; Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn...

- Thực hiện kiểm tra, hướng dẫn hoạt động của tổ chức hội cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã hoạt động theo đúng quy định của pháp luật. Thực hiện đúng quy trình, thủ tục trong việc xem xét cho thành lập mới, phê duyệt điều lệ và tổ chức đại hội, hội nghị nhiệm kỳ của các hội³⁷.

³⁵ Quyết định số 4278/QĐ-UBND ngày 05/12/2023.

³⁶ Công văn số 10156/UBND-KHTH ngày 17/7/2023

³⁷ Tổ chức Đại hội: Hội Luật gia tỉnh Thanh Hóa, Liên đoàn võ thuật, Hội nghề cá, Hiệp hội Doanh nghiệp Cựu chiến binh, Cựu quân nhân tỉnh Thanh Hóa...; Cho phép thành lập Hội Cựu giáo chức huyện Hoằng Hóa; Đổi tên và phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Bảo trợ người khuyết tật, trẻ mồ côi và bảo vệ quyền trẻ em tỉnh Thanh Hoá; Phê duyệt Điều lệ Hội Đông y huyện Yên Định. Thay đổi thành viên Hội đồng Khoa học, sáng kiến tỉnh; thay đổi thành viên Hội đồng Khoa học và Công nghệ tỉnh, nhiệm kỳ 2021-2026. KIỆN TOÀN QUỸ XÃ HỘI, QUỸ

- Báo cáo Ban Cán sự Đảng về kết quả quản lý, sử dụng biên chế giai đoạn 2015 - 2021 và Kế hoạch biên chế khối chính quyền tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022 - 2026; Báo cáo Bộ Nội vụ nhu cầu biên chế giáo viên trên địa bàn tỉnh năm học 2023 - 2024³⁸.

Năm 2023, biên chế công chức trong cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước của các sở, cơ quan ngang sở, cơ quan trực thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh được giao là 3.698 biên chế, có mặt tại thời điểm báo cáo là 3.457 biên chế. Số lượng người làm việc của các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập được giao là: 61.273 người, có mặt tại thời điểm báo cáo là 58.146 người³⁹. Số lượng người làm việc của các Hội đặc thù cấp tỉnh là: 78 người và 01 định suất lương.

4. Cải cách chế độ công vụ

- UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 157/KH-UBND ngày 12/6/2023 về quản lý biên chế hành chính khối chính quyền tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022 - 2026; Phê duyệt danh sách quy hoạch chức vụ Kiểm soát viên công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do UBND tỉnh làm chủ sở hữu giai đoạn 2020 - 2025 và giai đoạn 2025 - 2030⁴⁰.

- Chấp thuận kế hoạch tuyển dụng viên chức tại 48 đơn vị; công nhận kết quả trúng tuyển cho 1.800 viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh (trong đó: giáo dục 1.250 người, y tế: 300 người; ngành khác 250 người). Tiếp nhận 60 viên chức từ tỉnh ngoài về công tác tại các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh; tiếp nhận vào làm công chức đối với 65 người; thống nhất 08 trường hợp công chức tỉnh ngoài về công tác tại các cơ quan trên địa bàn tỉnh.

- Phê duyệt hỗ trợ kinh phí đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo và thưởng khi được công nhận, bổ nhiệm chức danh Phó Giáo sư cho 158 người⁴¹ (trong đó có: 02 Phó Giáo sư, 15 Tiến sĩ; 42 Bác sĩ, Dược sĩ chuyên khoa cấp II; 99 Thạc sĩ, Dược sĩ, Điều dưỡng, Kỹ thuật y tế, y tế cộng đồng chuyên khoa cấp I); phê duyệt đối tượng và kinh phí hỗ trợ theo Nghị quyết số 48/2017/NQ-HĐND ngày 12/7/2017; Nghị quyết số 233/2019/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của HĐND tỉnh Thanh Hóa cho 29 người⁴². Thực hiện chính sách tinh giản biên chế năm 2023 với 323 người (khối Đảng, Đoàn thể: 03 người; khối hành chính cấp tỉnh: 72 người; khối sự nghiệp: 248 người).

từ thiện. Phê duyệt Điều lệ Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Thanh Hóa; Hội Xây dựng tỉnh Thanh Hóa. Công nhận Quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý Quỹ Khuyến học Lê Xuân Lan, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

³⁸ Báo cáo 158/BC-UBND ngày 04/8/2023;

³⁹ Quyết định số 4670/QĐ-UBND ngày 27/12/2022; Nghị quyết số 333/NQ-HĐND ngày 11/12/2022.

⁴⁰ Quyết định số 2730/QĐ-UBND ngày 01/8/2023.

⁴¹ Quyết định số 432/QĐ-UBND ngày 06/02/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.

⁴² Quyết định số 2193/QĐ-UBND ngày 29/3/2023.

Thực hiện kịp thời chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức ở cấp xã và các chính sách hỗ trợ, ưu đãi với các đối tượng khác có liên quan: Trong 9 tháng đầu năm, thực hiện thâm định, xếp lương cho 98 cán bộ, công chức cấp xã; trợ cấp thôi việc cho 373 đối tượng cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã, thôn, tổ dân phố theo dõi dư theo Nghị quyết 233/2019/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Công an xã nghỉ việc vì lý do chính đáng theo Nghị định 73/2009/NĐ-CP ngày 07/9/2009; Chỉ huy phó Ban chỉ huy Quân sự cấp xã theo Nghị định số 03/2016/NĐ-CP ngày 05/01/2016 của Chính phủ.

- Tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức năm 2023⁴³ và kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên/giảng viên cao đẳng sư phạm năm 2023⁴⁴. Ban hành bộ tài liệu bồi dưỡng tiếng dân tộc Thái cho cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Thanh Hóa có đồng bào dân tộc sinh sống được biên soạn, chỉnh sửa, bổ sung năm 2022⁴⁵. Biên soạn Tài liệu tập huấn nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp thuộc Tiểu dự án 4, Dự án 5, Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa⁴⁶. Cử đại biểu, giảng viên, báo cáo viên tham dự khóa tập huấn, chuyển giao chương trình, tài liệu về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức do Bộ Nội vụ triển khai.

- Triển khai việc cập nhật cơ sở dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước tỉnh Thanh Hóa năm 2023⁴⁷, tổ chức tập huấn, cập nhật CSDL về CBCCCVC cho tất cả các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh đối với 5.825 học viên, 2.781 đơn vị đầu mỗi chia làm 28 cụm/78 lớp; hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan đơn vị tổ chức cập nhật CSDL về CBCCCVC thuộc thẩm quyền quản lý. Đến nay, theo thống kê, trên phần mềm đã có gần 60.000 hồ sơ CBCCCVC đã được đồng bộ với CSDL quốc gia.

5. Cải cách tài chính công

- UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo quy định; phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị và từng tập thể, cá nhân trong việc khai thác các nguồn lực, tiết kiệm kinh phí để nâng cao thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức.

- Phê duyệt danh mục dự án kêu gọi vốn đầu tư trực tiếp tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2025⁴⁸; giao kế hoạch chi tiết vốn đầu tư công nguồn ngân sách

⁴³ Quyết định số 46/KH-UBND ngày 02/3/2023.

⁴⁴ Công văn số 710/UBND-KHTH ngày 16/01/2023.

⁴⁵ Quyết định 177/QĐ-UBND ngày 12/01/2023.

⁴⁶ Công văn 1608/UBND-VX ngày 13/02/2023.

⁴⁷ Kế hoạch số 124/KH-UBND ngày 17/5/2023 về cập nhật cơ sở dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước tỉnh Thanh Hóa.

⁴⁸ Quyết định 371/QĐ-UBND ngày 21/1/2022.

nhà nước năm 2023 tỉnh Thanh Hóa⁴⁹; thực hiện điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025⁵⁰ và đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023⁵¹.

- Triển khai thực hiện Nghị quyết số 07/2022/NQ-HĐND ngày 11/12/2022 của HĐND tỉnh quy định về cơ chế lồng ghép nguồn vốn trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; cơ chế huy động và sử dụng nguồn vốn tín dụng, nguồn vốn hợp pháp khác thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa⁵²...

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

- Trong 9 tháng đầu năm, các sở, ban, ngành, địa phương tiếp tục triển khai thực hiện việc xây dựng Chính quyền điện tử, Chính quyền số theo Đề cương Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Thanh Hóa, phiên bản 2.0 đã được phê duyệt⁵³; thực hiện tốt việc sử dụng văn bản điện tử; phát huy hiệu quả hệ thống truyền hình trực tuyến của tỉnh tại hơn 600 điểm cầu⁵⁴; 18 phòng họp không giấy tờ của các đơn vị (Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông vận tải, Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp, 15 đơn vị cấp huyện) đã đi vào hoạt động góp phần đẩy mạnh chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước, tạo môi trường hiện đại, tổ chức các cuộc họp nhanh chóng, tiết kiệm, khoa học.

- Trục tích hợp nội tỉnh LGSP, liên thông các phần mềm ứng dụng dùng chung, các phần mềm chuyên ngành trên địa bàn tỉnh, được kết nối liên thông với hệ thống của quốc gia, phạm vi gửi, nhận văn bản liên thông 04 cấp chính quyền từ Trung ương đến cấp xã; hoàn thành Cổng dữ liệu mở của tỉnh với 10 nhóm dữ liệu của 58 CSDL dùng chung và dịch vụ chia sẻ dữ liệu của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh nhằm kết nối, chia sẻ các dữ liệu dùng chung phục vụ công tác chỉ đạo điều hành và công khai, minh bạch thông tin của các cơ quan chính quyền cho người dân, doanh nghiệp.

Triển khai thí điểm Trung tâm giám sát, điều hành thông minh của tỉnh và trợ lý ảo tại Sở Thông tin và Truyền thông và Tòa án nhân dân tỉnh nhằm khai thác tối đa sức mạnh của công nghệ đồng thời giải phóng sức lao động cho cán bộ Bộ phận hỗ trợ dịch vụ công, hướng đến nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ công.

- Hạ tầng công nghệ thông tin được quan tâm đầu tư từ cấp tỉnh đến cấp xã, từng bước đáp ứng việc ứng dụng công nghệ thông tin, phục vụ công tác

⁴⁹Quyết định số 4662/QĐ-UBND ngày 26/12/2022.

⁵⁰Quyết định số 4646/QĐ-UBND ngày 26/12/2022.

⁵¹Chỉ thị 04/CT-UBND ngày 9/2/2023.

⁵²Công văn số 1007/UBND-THKH ngày 27/01/2023.

⁵³Quyết định số 5447/QĐ-UBND ngày 22/12/2020.

⁵⁴31 điểm cầu tại các Sở, ban, ngành và UBND cấp huyện; 10 điểm cầu của khối các cơ quan Đảng; 559 điểm cầu UBND cấp xã.

quản lý, chỉ đạo, điều hành trên môi trường mạng; Trung tâm An ninh mạng và An toàn dữ liệu luôn bảo đảm hoạt động ổn định, thông suốt, an toàn 24/7 cho hệ thống công nghệ thông tin dùng chung.

- Quá trình kết nối, chia sẻ dữ liệu, hình thành các dữ liệu dùng chung, cung cấp dịch vụ công trực tuyến giữa Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công tỉnh với Hệ thống phần mềm một cửa được đẩy mạnh, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm; tạo thuận lợi cho người dùng, tăng cường chuyển đổi hình thức thực hiện từ trực tiếp sang trực tuyến. Việc hướng dẫn, hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt trong các giao dịch về y tế, giáo dục đã được quan tâm, đẩy mạnh, tạo đà phát triển cho kinh tế số, xã hội số và quá trình chuyển đổi số được thuận lợi. Hiện nay, 100% các bệnh viện công lập trên địa bàn tỉnh đã triển khai thanh toán phí dịch vụ y tế không dùng tiền mặt và sử dụng hóa đơn điện tử; đã triển khai ứng dụng VssID (Bảo hiểm xã hội số); hệ thống thông tin giám định bảo hiểm y tế (BHYT) tại 100% cơ sở khám chữa bệnh; hệ thống cấp mã số BHXH và quản lý thẻ BHYT hộ gia đình.

- Cổng Dịch vụ công và Hệ thống một cửa điện tử của tỉnh đã được chuyển đổi sang địa chỉ IPv6 trên đó cung cấp 890 dịch vụ công trực tuyến một phần và 872 dịch vụ công trực tuyến toàn trình; đã tích hợp lên Cổng dịch vụ công Quốc gia 1.202 dịch vụ công dịch vụ⁵⁵. Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đã được kết nối với Cổng dịch vụ công và Hệ thống một cửa điện tử của tỉnh, phục vụ việc xác thực, chia sẻ thông tin công dân khi thực hiện thủ tục hành chính theo nguyên tắc không yêu cầu khai báo lại các thông tin đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

- Ứng dụng chữ ký số chuyên dùng được sử dụng tại 100% các cơ quan hành chính và hơn 150 đơn vị sự nghiệp của tỉnh; đã cấp hơn 1.100 chứng thư số cá nhân. Tích hợp chữ ký số trên phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc và đang thí điểm ký số trên thiết bị di động. Tổng số lượt trao đổi, xử lý văn bản đi trên hệ thống: 654.001/655.398 đạt 99,79 %; tỷ lệ ký số đạt trên 99% giúp cho hoạt động của các cơ quan, đơn vị được công khai, minh bạch, nhanh chóng, tiết kiệm thời gian, nâng cao hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành trong cơ quan nhà nước.

III. MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM 3 THÁNG CUỐI NĂM 2023

1. Xây dựng, ban hành thể chế trong một số lĩnh vực: Chính sách khuyến khích chuyển đổi số, phát triển nền kinh tế số, xã hội số trên địa bàn tỉnh; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các sở và hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của cấp huyện.

⁵⁵ Quyết định số 2971/QĐ-UBND ngày 22/8/2023.

2. Tiếp tục rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ theo Quyết định số 3611/QĐ-UBND ngày 26/10/2022 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022 - 2025; bảo đảm duy trì tỷ lệ giải quyết TTHC đúng hạn từ 98% trở lên; 100% hồ sơ TTHC đủ điều kiện được giải quyết trực tuyến toàn trình, trực tuyến một phần và được số hóa kết quả giải quyết theo Quyết định số 4750/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch CCHC năm 2023.

3. Tham mưu thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030 theo Kết luận số 48-KL/TW của Bộ Chính trị ngày 30/01/2023. Tiếp tục rà soát, sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ và Kế hoạch của UBND tỉnh.

4. Quản lý chặt chẽ biên chế công chức trong các cơ quan hành chính nhà nước, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập. Cơ cấu, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp, các ngành theo vị trí việc làm, khung năng lực; đổi mới công tác tuyển dụng, bố trí, sử dụng, đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; tăng cường thanh tra, kiểm tra để kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm.

5. Tiếp tục thực hiện giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập; thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của Chính phủ; tăng cường kiểm tra, giám sát việc quản lý chi tiêu công để tránh thất thoát, lãng phí ngân sách nhà nước; xây dựng kế hoạch đầu tư công của tỉnh năm 2024 theo quy định.

6. Xây dựng các chính sách, quy định về phí, lệ phí nhằm khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng, cung cấp các dịch vụ số. Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng; thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan nhà nước theo quy định. Tiếp tục đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số trên cả 3 trụ cột chính quyền số, kinh tế số và xã hội số, bám sát chủ đề về năm phát triển dữ liệu để chủ động tham mưu nội dung xây dựng dữ liệu và sử dụng phát huy hiệu quả dữ liệu./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ (để b/c);
- TTr Tỉnh ủy, TTr HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, THKH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Thi

Phụ lục
THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TỈNH THANH HÓA

Biểu mẫu 1
Công tác chỉ đạo điều hành CCHC

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo cải cách hành chính 9 tháng đầu năm 2023	
			Số liệu	Ghi chú
I.	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC			
1	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)	Văn bản	50	
2	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (Lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%	72.22	
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	36	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	26	
3	Kiểm tra CCHC			
3.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	2	
3.2.	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	8	
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	100	
3.3.1.	Tổng số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	40	
3.3.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	40	

4	Thanh tra việc thực hiện quy định pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ máy (thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ)			
4.1.	Số cơ quan, đơn vị được thanh tra	Số lượng	13	
4.2.	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đã hoàn thành việc thực hiện kết luận thanh tra	%	76.92	03/13 cơ quan, đơn vị đang trong quá trình thực hiện kết luận thanh tra theo tiến độ
5	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao			
5.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	133	
5.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	29	
5.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
5.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
6	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0	1	
6.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	7.041	Kế hoạch 656/KH-SNV ngày 12/9/2023
6.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	1	
7	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	

Biểu mẫu 2 Cải cách thể chế				
STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2023	
			Số liệu	Ghi chú
II.	Cải cách thể chế			
1	Tổng số VBQPPL do địa phương ban hành	Văn bản	50	
1.1.	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản	50	
1.2.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản	0	
1.3.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	0	
2	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	2	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	0	
2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	0	
2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
3	Rà soát VBQPPL			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	156	Bao gồm rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL theo Nghị quyết 101/2023/QH15
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	100	
3.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	51	Hết hiệu lực toàn phần, hết hiệu lực một phần
3.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	51	Quyết định 3278/QĐ-UBND ngày 17/01/2023

Biểu mẫu 3
Cải cách thủ tục hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2023	
			Số liệu	Ghi chú
III.	Cải cách thủ tục hành chính			
1	Thống kê TTHC			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	13	
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	71	
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	458	376 thủ tục sửa đổi, 82 thủ tục bãi bỏ ⁵⁶
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	2.127	
1.4.1.	Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	1.553	
1.4.2.	Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	327	
1.4.3.	Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	247	
2	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	556	
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	214	

⁵⁶ Số liệu rà soát trên dichvucongquocgia.gov.vn

2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục	10	
3	Kết quả giải quyết TTHC			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	97,57	
3.1.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	574.791	
3.1.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	560.813	
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	98,71	
3.2.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	32.470	
3.2.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	32.053	
3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,18	
3.3.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	335.699	
3.3.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	332.960	
3.4.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	97	
3.4.1.	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	301	
3.4.2.	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	293	

Biểu mẫu 4
Cải cách tổ chức bộ máy

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2023	
			Số liệu	Ghi chú
IV.	Cải cách tổ chức bộ máy			
1	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.2.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.3.	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban	4	
1.4.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức	128	
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị	2.183	
1.5.1.	Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh	Cơ quan, đơn vị	10	
1.5.2.	Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và	Cơ quan, đơn vị	220	

	tương đương			
1.5.3.	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị	1.953	
1.5.4.	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%	10.1	
2	Số liệu về biên chế công chức			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	3.968	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	3.457	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	663	
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	39	
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	9.1	
3	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	61.273	
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	58.142	
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	669	
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	8.5	

Biểu mẫu 5
Cải cách chế độ công vụ

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2023	
			Số liệu	Ghi chú
V.	Cải cách chế độ công vụ			
1	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	48	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	1.989	
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	-	
2	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người		
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	65	

2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	-	
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	1.800	
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người		
3	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)	Người	-	
4	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).		-	
4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người	-	
4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	-	
4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	-	
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	-	

Biểu mẫu 6
Cải cách tài chính công⁵⁷

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2023	
			Số liệu	Ghi chú
VI.	Cải cách tài chính công			Chủ tịch UBND tỉnh giao nhiệm vụ cho Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, tổng hợp tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 của cả tỉnh, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính theo quy định tại Khoản 4 Mục III Chỉ thị 04/CTUBND ngày 09/02/2023
1	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	46,76	
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	14.445.421	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	6.755.033	
2	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị	238	
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	2	
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	18	
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	194	

⁵⁷ Số liệu do Sở Tài chính cung cấp tại Báo cáo 5268/BC-STC ngày 07/9/2023

2.4.1	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên	Đơn vị	36	
2.4.2	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên	Đơn vị	27	
2.4.3	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên	Đơn vị	131	
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	24	
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	0	

Biểu mẫu 7
Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2023	
			Số liệu	Ghi chú
VII.	Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số			
1	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	Quyết định số 5447/QĐ-UBND của UBND tỉnh ngày 22/12/2020 Phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Thanh Hóa, phiên bản 2.0
2	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện. Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã.	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	2	600 điểm cầu (31 điểm cầu của khối các cơ quan cấp tỉnh, UBND cấp huyện; 10 điểm cầu của khối các cơ quan Đảng; 559 điểm cầu tại UBND cấp xã
3	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	100	
4	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	Địa chỉ: https://lgsp.thanhhoa.gov.vn
5	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ			

	cấp tỉnh đến cấp xã			
5.1.1	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
5.1.2.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
5.1.3.	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.	%	100	
5.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	%	99,79	Số lượng gửi đi 654.001/655.398 văn bản
5.2.1.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh	%	99,68	Số lượng gửi đi 128.845/129.254
5.2.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện	%	99,76	Số lượng gửi đi 258.162/258.790
5.2.3.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã	%	98,87	Số lượng gửi đi 266.994/267.354
5.3.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
5.3.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
5.3.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
5.3.3.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	

6	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)			
6.1.	Tỷ lệ DVCTT toàn trình đủ điều kiện	%	100	
6.1.1.	Tổng số DVC đủ điều kiện lên trực tuyến toàn trình	DVC	890	
6.1.2.	Số lượng DVCTT toàn trình	DVC	890	
6.2.	Tỷ lệ DVC có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến (toàn trình + một phần)	%	100	
6.2.1	Tổng số DVCTT có phát sinh hồ sơ (gồm các DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc cả 2 hình thức)	DVC	872	
6.2.2	Số DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến	DVC	872	
6.3.	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	%	98,74	
6.3.1	Tổng số hồ sơ của DVCTT toàn trình (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)	Hồ sơ	150.709	
6.3.2	Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT toàn trình	Hồ sơ	148.812	
6.4.	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến một phần	%	98,54	
6.4.1.	Tổng số hồ sơ của DVCTT một phần (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)	Hồ sơ	118.831	
6.4.2.	Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT một phần	Hồ sơ	117.098	

6.5.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	100	
6.5.1	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)	Thủ tục	515	
6.5.2	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh	Thủ tục	515	